

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 210/SXD-KT&VLXD

Hải Dương, ngày 17 tháng 02 năm 2020

Về việc cho phép áp dụng đơn

giá nhân công trên địa bàn tỉnh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

Số: 1840

ĐẾN

Ngày: 18/02/2020

Chuyên: *Khánh*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Hải Dương tại Công văn số 342/UBND-VP ngày 10-02-2020 về việc triển khai thực hiện các Thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14-8-2019 của Chính phủ, Sở Xây dựng đã liên hệ với Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin, xác định đơn giá nhân công làm căn cứ công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh. Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng cho biết thời gian cần thiết để thực hiện công việc khoảng 2 tháng.

Để công tác đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh không bị gián đoạn và thực hiện đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiến độ và tiết kiệm chi phí của các dự án, Sở Xây dựng đã tính toán, dự thảo đơn giá nhân công xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26-12-2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng theo 3 nguyên tắc sau:

1. Phân vùng trên địa bàn tỉnh

Các địa bàn trong tỉnh Hải Dương được phân vùng theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15-11-2019 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, cụ thể:

Vùng II: Thành phố Hải Dương.

Vùng III: Thành phố Chí Linh; thị xã Kinh Môn và các huyện Bình Giang, Cẩm Giàng, Gia Lộc, Kim Thành, Nam Sách, Tứ Kỳ.

Vùng IV: Các huyện Ninh Giang, Thanh Hà, Thanh Miện.

2. Mức đơn giá nhân công

Đơn giá nhân công được Công bố trên cơ sở mức lương cơ sở đầu vào đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Hải Dương (theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 22-7-2016 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng và điều chỉnh chi phí nhân công trong dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương), cụ thể:

Vùng II: 2.240.000 đồng; Vùng III: 2.080.000 đồng; Vùng IV: 1.980.000 đồng.

3. Nguyên tắc tính toán đơn giá nhân công

- Hệ số cấp bậc của nhân công được tính toán theo hệ số cấp bậc quy định tại Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10-3-2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, trong đó:

+ Nhân công xây dựng trực tiếp các nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 8 lấy theo hệ số cấp bậc của công nhóm 1.

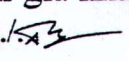
+ Nhân công xây dựng trực tiếp các nhóm 6, 7, 11 lấy theo hệ số cấp bậc của công nhóm 2.

- Đơn giá nhân công nằm trong khung đơn giá nhân công quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BXD; trường hợp đơn giá nhân công tính toán cao hơn khung thì lấy mức tối đa của khung đơn giá; trường hợp tính toán thấp hơn khung thì lấy mức tối thiểu của khung đơn giá.

- Nhân công tư vấn xây dựng chưa được quy định tại Thông tư số 05/2016/TT-BXD thì lấy theo mức tối thiểu của Khung đơn giá nhân công tư vấn xây dựng quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BXD.

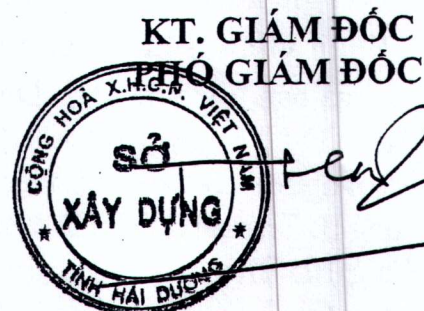
Căn cứ theo các nguyên tắc nêu trên, Sở Xây dựng đã tính toán xong Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương (có bảng đơn giá gửi kèm).

Ngày 11-02-2020, Sở Xây dựng đã tổ chức họp đề xin ý kiến của các Sở, Ban, Ngành và địa phương. Tại cuộc họp các các Sở, Ban, Ngành và địa phương đều thống nhất với nguyên tắc tính toán của Sở Xây dựng nêu trên (có biên bản cuộc họp kèm theo).

Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng đơn giá nhân công đã được tính toán và gửi kèm theo để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong thời gian chờ Sở Xây dựng tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, xác định và công bố đơn giá nhân công theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, PGĐ Sở (Nguyễn Trọng Hải);
- Lưu: VP, KT&VLXD(5b).



Nguyễn Trọng Hải

ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TỈNH HẢI DƯƠNG

(kèm theo Công văn số 210/SXD-KT&VLXD
ngày 17-02-2020 của Sở Xây dựng Hải Dương)

Đơn vị tính: đồng/ngày công

STT	NHÓM	ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG		
		VÙNG II	VÙNG III	VÙNG IV
I	Công nhân xây dựng trực tiếp (bậc 3,5/7)			
1	Nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4, nhóm 5, nhóm 8	202.892	188.400	179.342
2	Nhóm 6, nhóm 7, nhóm 11	228.308	212.000	201.808
II	Kỹ sư trực tiếp (bậc 4,0/8)	260.000	246.000	237.000
III	Tư vấn xây dựng			
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án	710.000	600.000	560.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn	530.000	460.000	400.000
3	Kỹ sư	355.000	310.000	280.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề	320.000	280.000	251.000
IV	Nghệ nhân (bậc 1,5/2)	560.000	520.000	495.000
V	Lái xe (bậc 2,0/4)			
1	Nhóm 9	221.415	205.600	195.715
2	Nhóm 10	260.000	246.000	237.000
VI	Thuyền trưởng, thuyền phó, thợ điều khiển tàu sông, thợ điều khiển tàu biển (bậc 1,5/2)			
1	Tàu, ca nô, cần câu nổi, búa đóng cọc nổi và tàu đóng cọc:			
a	Thuyền trưởng-nhóm 1	329.108	305.600	290.908
b	Thuyền trưởng-nhóm 2	366.154	340.000	323.654
c	Thuyền phó I, Máy I-nhóm 1	319.000	296.000	280.000
d	Thuyền phó I, Máy I-nhóm 2	319.000	296.000	280.000
e	Thuyền phó II, Máy II-nhóm 1	319.000	296.000	280.000
f	Thuyền phó II, Máy II-nhóm 2	319.000	296.000	280.000
2	Tàu hút, tàu cuốc nạo vét sông:			
a	Tàu hút dưới 150m ³ /h:			
-	Thuyền trưởng	347.631	322.800	307.281
-	Máy trưởng	319.000	296.000	280.000
-	Máy II, kỹ thuật viên cuốc I, thuyền phó	319.000	296.000	280.000
-	Kỹ thuật viên cuốc II	319.000	296.000	280.000
b	Tàu hút từ 150m ³ /h đến 300m ³ /h:			
-	Thuyền trưởng	389.846	362.000	344.596
-	Máy trưởng	367.446	341.200	324.796
-	Máy II, kỹ thuật viên cuốc I, thuyền phó	361.415	335.600	319.465

STT	NHÓM	ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG		
		VÙNG II	VÙNG III	VÙNG IV
a	Thợ lặn cấp I bậc 1/2	540.000	504.000	479.000
b	Thợ lặn cấp I bậc 2/2	540.000	504.000	479.000
3	Thợ lặn cấp II bậc 1/1	540.000	504.000	479.000

Ghi chú: Nhân công điều khiển tàu, ca nô, cần cẩu nổi, búa đóng cọc nổi và tàu đóng cọc tại khoản 1 mục VI được phân nhóm như sau:

- Nhóm 1: Tàu, ca nô có công suất máy chính từ 5CV đến 150CV.

- Nhóm 2: Tàu, ca nô có công suất máy chính trên 150CV; cần cẩu nổi; tàu đóng cọc.